

Số: 03/2021/QĐST- DS

Y, ngày 02 tháng 04 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 03 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2020/TLST - DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp chia di sản thừa kế.

XÉT THẤY:

Thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***. Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Xóm C, thôn N, xã YT, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

***. Bị đơn:** Ông Phạm Văn S, sinh năm 1968

Địa chỉ: Xóm C, thôn N, xã YT, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

***. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Mai Thị H, anh Phạm Văn T1, anh Phạm Ngọc Đ, đều trú tại địa chỉ: Chung cư T, số 357, đường N, phường B, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phạm Thị Ch, địa chỉ: Xóm 4, thôn 12, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, anh T1, anh Đ, bà Ch: Ông Phạm Văn S (Văn bản ủy quyền của bà H, anh Đ ngày 30/12/2020, của anh T1 ngày 22/01/2021, của bà Ch ngày 01/02/2021).

- Bà Phạm Thị M; địa chỉ: Khôi 7, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
- Bà Phạm Thị S1, địa chỉ: Xóm T, thôn N, xã YT, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, bà S1: Bà Nguyễn Thị L (Văn bản ủy quyền của bà M, bà S1 ngày 01/02/2021)

- Ông Phạm Văn S2, địa chỉ: Xóm C, thôn N, xã YT, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Xóm C, thôn N, xã YT, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về di sản thừa kế: Trong số 710m² đất tại thửa 65 tờ bản đồ 5 tại Xóm C, thôn N, xã YT, huyện Y, tỉnh Ninh Bình có:

- Diện tích 350m² đất vườn thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị L, đất có vị trí:

Phía Bắc giáp đất bà Phạm Thị H1 rộng 6,71m;

Phía Nam giáp đất ông Phạm Văn T2 rộng 6,72m và đất mạ 6,1m;

Phía Đông giáp đất di sản dài 34,35m;

Phía Tây giáp đất ông B và ông Th dài 34,51m;

- Diện tích 360m² đất ở là di sản, đất có vị trí:

Phía Đông: giáp đất ông Phạm Văn Y dài 16,23m; giáp ngõ dài 3,25m; giáp đất ông Th dài 15,35m;

Phía Tây giáp đất vườn của ông S dài 34,35m;

Phía Nam giáp đất ông Phạm Văn T2 rộng 4m;

Phía Bắc giáp đất bà Phạm Thị H1 dài 16,54m;

- Về giá trị di sản $220.000/m^2 \times 360 m^2 = 79.200.000$ đồng.

2.2. Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ph, cụ N: 06 người con bao gồm Ông Phạm Trung D (ông D đã chết nên người được hưởng kỷ phần của ông D là bà H, anh T1 và anh Đ), bà Phạm Thị Ch, bà Phạm Thị M, Phạm Thị T, ông Phạm Văn S, bà Phạm Thị S1; trong đó bà H, anh T1, anh Đ, bà S1, bà M, bà Ch tặng cho ông Sử kỷ phần thừa kế được hưởng nên ông Sử được hưởng 05 kỷ phần, bà T được hưởng 01 kỷ phần.

2.3. Về phân chia di sản: Diện tích đất 360m² thuộc thửa 65 tờ bản đồ 5 tại Xóm C, thôn N, xã YT, huyện Y, tỉnh Ninh Bình được phân chia như sau:

- Để ra phần đất diện tích 24,5m² làm ngõ đi chung, có vị trí:

Phía Bắc giáp đất ông S được chia dài 8,78m;

Phía Nam giáp phần đất bà T được chia dài 7,45m;

Phía Đông giáp ngõ rộng 3,25m;

Phía Tây giáp đất vườn của ông Sử rộng 3,1m.

- Chia cho ông Phạm Văn S phần đất có diện tích 250m² thuộc thửa 65 tờ bản đồ 5 tại Xóm C, thôn N, xã YT, huyện Y, tỉnh Ninh Bình có vị trí:

Phía Bắc giáp đất bà Phạm Thị H1 rộng 16,54m;

Phía Nam giáp ngõ đi chung rộng 8,78m;

Phía Đông giáp đất ông Phạm Văn Y dài 16,23m;

Phía Tây giáp đất vườn của ông Phạm Văn S2 dài 16,25m.

Ông Sử và bà L được sử hữu các công trình trên đất bao gồm: 01 nhà mái bằng, 01 bếp, 01 bể nước, sân.

- Chia cho bà Phạm Thị T phần đất diện tích 85,5m² thuộc thửa 65 tờ bản đồ 5 tại Xóm C, thôn N, xã YT, huyện Y, tỉnh Ninh Bình có vị trí:

Phía Bắc giáp ngõ đi chung rộng 7,45m

Phía Nam giáp đất ông Phạm Văn T2 rộng 4m

Phía Đông giáp đất ông Phạm Văn S2 dài 15,35m

Phía Tây giáp đất vườn của ông Phạm Văn S dài 15m

Bà T được sở hữu các tài sản trên đất bao gồm: 01 chuồng chăn nuôi, 01 công trình phụ, 01 cây nhãn, 01 cây hồng xiêm, 01 cây ổi, tường bao.

(Có Sơ đồ thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất kèm theo)

2.4. Bà T, ông S2 có trách nhiệm tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất vườn của gia đình ông S, bà L thuộc thửa 65 tờ bản đồ 5 tại Xóm C, thôn N, xã YT, huyện Y (các công trình xây dựng nằm bên ngoài phần đất di sản chia cho bà T) bao gồm: Toàn bộ 01 gian bếp, 01 nhà mái ngói, 01 lán, 01 bể nước, 01 giếng, 01 phần chuồng chăn nuôi diện tích 0,3m² có kích thước các chiều phía Bắc rộng 0,11m phía Nam rộng 0,34m phía Đông dài 1m55cm, phía Tây dài 1m52cm và một phần công trình phụ diện tích 2,6m² có vị trí kích thước phía Bắc rộng 0,6m phía Nam rộng 0,85m phía Đông dài 3,64m phía Tây dài 3,7m).

Thời hạn tháo dỡ 06 tháng, chậm nhất đến ngày 25 tháng 09 năm 2021 phải tháo dỡ xong trả lại đất ở cho ông Sử và bà L.

Ông Sử, bà L có trách nhiệm di dời 03 cây bưởi nằm trên phần đất giao cho bà T thời hạn chậm nhất đến ngày 25/4/2021.

2.5. Về chi phí tổ tụng: Bà T tự nguyện nộp chi phí đo đạc, bà L tự nguyện nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; các đương sự không đề nghị Tòa án giải

quyết đối với chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Bà T phải nộp số tiền 470.000đ (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng), ông S phải nộp số tiền 1.375.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Số tiền án phí bà T phải nộp được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 16.200.000đ (Mười S1 triệu hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002358 ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình; bà T còn được hoàn lại số tiền 15.730.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- Cơ quan THADS huyện Y;
- UBND xã YT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Phạm Diệu Oanh
(Đã ký)